

MÃ ĐỀ: Quận 3-1

Bài 1. (1,5 điểm) Cho parabol (P): $y = \frac{1}{2}x^2$ và đường thẳng (d): $y = x + 4$

- a) Vẽ (P) và (d) trên cùng hệ trục tọa độ.
b) Tìm tọa độ giao điểm của (P) và (d) bằng phép tính.

Bài 2. (1,0 điểm) Cho phương trình $x^2 - 4x + m - 2 = 0$ (1) (x là ẩn số).

a) Tìm m để phương trình (1) có hai nghiệm.

b) Gọi x_1, x_2 là hai nghiệm của phương trình (1). Tìm m để: $x_1^2 x_2^2 - \frac{3}{4}x_1 - \frac{3}{4}x_2 = 2022$.

Bài 3. (0,75 điểm) Một ô tô có bình xăng chứa đầy bình là b (lít) xăng. Gọi y là số lít xăng còn lại trong bình xăng khi ô tô đã đi quãng đường x (km). y là hàm số bậc nhất có biến số là x được cho bởi công thức $y = ax + b$ (a là lượng xăng tiêu hao khi ô tô đi được 1 km và $a < 0$) thỏa bảng giá trị sau:

x (km)	60	180
y (lít)	27	21

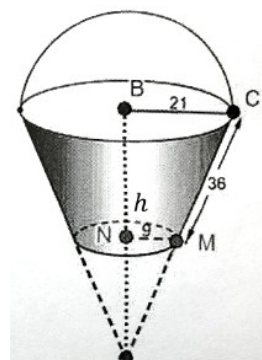
- a) Tìm các hệ số a và b của hàm số bậc nhất nói trên.
b) Khi chạy hết quãng đường $x = 700$ (km) thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

Bài 4. (0,75 điểm) Siêu thị X đang có chương trình khuyến mãi “Mua nhiều ưu đãi lớn”. Trong đó, sản phẩm khăn ướt Nuna có giá niêm yết là 40 000 đồng/gói, nếu trong cùng một hóa đơn khách hàng mua sản phẩm thứ 1, 3, 5, 7, ... với giá niêm yết thì sẽ được mua sản phẩm thứ 2, 4, 6, 8, ... với giá ưu đãi giảm 70% trên giá niêm yết.

- a) Một khách hàng A mua 10 gói khăn ướt Nuna trong cùng một hóa đơn. Tính tổng số tiền khách hàng A phải trả?
b) Một khách hàng B mua khăn ướt Nuna với số tiền phải trả trong cùng một hóa đơn là 780 000 đồng. Hỏi khách hàng B đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền so với khi không có khuyến mãi (tất cả sản phẩm đều bán với giá niêm yết)?

Bài 5. (1,0 điểm) Nhằm động viên, khen thưởng các em đạt danh hiệu “học sinh giỏi cấp thành phố” năm học 2022-2023, trường THCS A tổ chức chuyến tham quan ngoại khóa tại một điểm du lịch với mức giá ban đầu là 375 000 đồng/người. Biết công ty du lịch giảm 10% chi phí cho mỗi giáo viên và giảm 30% chi phí cho mỗi học sinh. Số học sinh tham gia gấp 4 lần số giáo viên và tổng chi phí tham quan (sau khi giảm giá) là 12 487 500 đồng. Tính số giáo viên và học sinh đã tham gia chuyến đi.

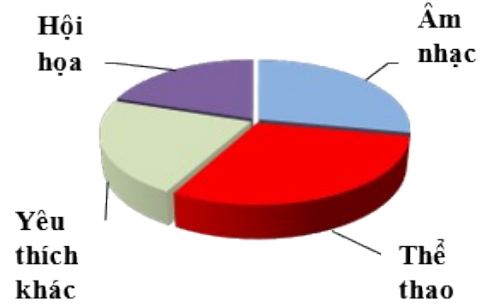
Bài 6. (1,0 điểm) Một xô đựng nước có dạng hình nón cụt (như hình vẽ). Đáy xô có bán kính $MN = 9$ cm, miệng xô là đáy lớn của hình nón cụt có $BC = 21$ cm, chiều cao của xô là $BN = h$, $MC = 36$ cm. Biết $\widehat{ANM} = \widehat{ABC} = 90^\circ$.



a) Hôixi có thể chứa bao nhiêu lít nước? (Ghi kết quả làm tròn 1 chữ số thập phân). Biết công

thứctính thể tích hình nón cụt là $V = \frac{1}{3}ph(r_1^2 + r_2^2 + r_1r_2)$ với h là chiều cao của hình nón cụt; r_1 , r_2 lần lượt là bán kính 2 đáy của hình nón cụt.

b) Bạn Nam dùng xô trên để lấy nước cho vào bể chứa hình hộp chữ nhật có kích thước 120cm × 100cm × 90cm. Biết trong mỗi lần lấy nước cho vào bể chứa thì lượng nước hao hụt là 20%. Hỏi bạn Nam cần lấy ít nhất bao nhiêu lần để đầy bể chứa? Bỏ qua thể tích thành bể.



Bài 7. (1,0 điểm) Trường THCS A tiến hành khảo sát 1 500 học sinh về sự yêu thích hội họa, thể thao, âm nhạc và các yêu thích khác. Mỗi học sinh chỉ chọn một yêu thích. Biết số học sinh yêu thích hội họa chiếm tỉ lệ 20% so với số học sinh khảo sát. Số học sinh yêu thích thể thao hơn số học sinh yêu thích âm nhạc là 30 học sinh; số học sinh yêu thích thể thao và hội họa bằng với số học sinh yêu thích âm nhạc và yêu thích khác.

- Tính số học sinh yêu thích hội họa.
- Tính số học sinh yêu thích thể thao và âm nhạc.

Bài 8. (3,0 điểm) Cho ΔABC nhọn ($AB < AC$) nội tiếp (O; R) đường kính AK. Vẽ các đường cao AD, BE và CF của ΔABC cắt nhau tại H. Tia AD cắt (O) tại M (M khác A).

- Chứng minh: D là trung điểm của HM và tứ giác BHCK là hình bình hành,
- Gọi S, I lần lượt là trung điểm của OH và BC.
Chứng minh 4 điểm: D, E, F, I thuộc (S), tính bán kính (S) theo R.
- Gọi N là hình chiếu của M trên AB. Tia ND cắt AC tại P.

Chứng minh: $MP \perp AC$ và $\frac{BC}{MD} = \frac{AB}{MN} + \frac{AC}{MP}$.

Hết.

SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG GD&ĐT QUẬN 3

ĐỀ THAM KHẢO

MÃ ĐỀ: Quận 3-2

ĐỀ THAM KHẢO TUYỂN SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: TOÁN

Đề thi gồm 8 câu hỏi tự luận

Thời gian: 120 phút. (không kể thời gian phát đề)

Bài 1. (1,5 điểm) a) Vẽ đồ thị của hàm số (P): $y = -\frac{x^2}{4}$ và (D): $y = 2x + 3$ trên cùng hệ trục tọa độ.
b) Tính tọa độ giao điểm đồ thị (P) và (D).

Bài 2: (1,0 điểm) Cho phương trình $\frac{1}{2}x^2 - 4x - 1 = 0$

a) Không giải phương trình chứng tỏ phương trình có 2 nghiệm phân biệt x_1, x_2 .

$$A = \frac{x_1^2 + x_2^2}{-7x_1 - 7x_2}$$

b) Tính:

Bài 3. (0,75 điểm) Doomsday của một năm là ngày cuối cùng của tháng hai (năm thường là ngày 28/2 và năm nhuận là ngày 29/2). Để xác định thứ của Doomsday trong một năm từ năm 2000 đến năm 2099, đầu tiên ta tính giá trị của biểu thức $T = x + s + 3$, ở đây x là hai chữ số cuối của năm cần tính, s là thương của phép chia x cho 4. Sau đó lấy T chia cho 7 ta được số dư r ($0 \leq r \leq 6$).

+ Nếu $r = 0$ thì ngày đó là thứ bảy.

+ Nếu $r = 1$ thì ngày đó là chủ nhật.

+ Nếu $r = 2$ thì ngày đó là thứ hai.

+ Nếu $r = 3$ thì ngày đó là thứ ba.

...

+ Nếu $r = 6$ thì ngày đó là thứ sáu.

Ví dụ: năm 2023 có $x = 23$, x chia cho 4 có thương $s = 5$ nên $T = 23 + 5 + 3 = 31$. T chia cho 7 có số dư $r = 3$ nên thứ của Doomsday năm 2023 là thứ ba.

a/ Bạn Vy sinh ngày 29/2/2008 nên chỉ vào năm nhuận mới tổ chức sinh nhật đúng ngày, còn năm thường sẽ tổ chức vào ngày 28/2. Hỏi sinh nhật lần thứ 10 của bạn Vy sẽ tổ chức vào ngày nào, thứ mấy? Biết từ năm 2000 đến năm 2099 thì năm nhuận là năm có hai chữ số cuối chia hết cho 4.

b/ Bạn Vy thắc mắc không biết đến năm nào thì lần đầu tiên sinh nhật đúng ngày sẽ rơi vào chủ nhật? Em hãy tìm giúp bạn.

Bài 4. (0,75 điểm) Một lớp học có 40 học sinh, trong đó nam nhiều hơn nữ. Trong giờ ra chơi, cô giáo đưa cả lớp 260000 đồng để mỗi bạn nam mua một ly Coca giá 5000 đồng/ly, mỗi bạn nữ mua một bánh phô mai giá 8000 đồng/cái và được căn – tin thối lại 3000 đồng. Hỏi lớp có bao nhiêu học sinh nam và bao nhiêu học sinh nữ?

Bài 5. (1,0 điểm) Một hãng viễn thông có ba phương án trả tiền cước điện thoại cho mỗi cuộc gọi như sau:

– Phương án I: Trả tổng cộng 99 cent cho 20 phút đầu, sau đó từ phút thứ 21 thì mỗi phút trả 5 cent .

– Phương án II: Kể từ lúc đầu tiên, mỗi phút trả 10 cent .

– Phương án III: Trả 25 cent tiền thuê bao, sau đó kể từ phút đầu tiên mỗi phút trả 8 cent .

Anh Ba là nhân viên bán bảo hiểm. Trung bình mỗi tháng thì anh Ba thực hiện 200 cuộc gọi với 10% cuộc gọi 1 phút, 10% cuộc gọi 5 phút, 30% cuộc gọi 10 phút, 30% cuộc gọi 20 phút, 20% cuộc gọi 30 phút. Hỏi anh Ba nên chọn phương án nào của hãng viễn thông để có lợi nhất?

Bài 6. (1,0 điểm)

Công ty địa ốc A xây một chung cư cao cấp có 100 căn hộ để bán gồm 2 loại: loại I là căn hộ 1 phòng ngủ giá bán 1,7 tỉ đồng /căn, loại II là căn hộ 2 phòng ngủ giá bán 2,6 tỉ đồng/căn. Do mục đích kinh doanh thay đổi nên có điều chỉnh giá bán như sau: tăng 10% đối với mỗi căn hộ loại I và giảm 5% đối với mỗi căn hộ loại II. Tổng số tiền bán hết các loại căn hộ là 211 tỉ đồng. Hỏi có bao nhiêu căn hộ loại I và loại II?

Bài 7. (1,0 điểm) Một cốc nước hình trụ cao 12 cm , đường kính 7 cm , độ dày cốc là 2 mm , độ dày đáy là 5 mm đang chứa 80 ml nước. Người ta bỏ các viên đá bi có hình lập phương cạnh 2 cm cho vào cốc sao cho mực nước sau cùng cách miệng cốc không quá 1 cm . Hỏi có thể bỏ được bao nhiêu viên đá như thế vào cốc?



Bài 8. (3,0 điểm)

Từ điểm M nằm ngoài đường tròn (O; R) sao cho $OM > 2R$, vẽ hai tiếp tuyến MA, MB của đường tròn (O) (A và B là hai tiếp điểm). Gọi I là trung điểm AM, tia BI cắt (O) tại C ($C \neq B$), tia MC cắt (O) tại D ($D \neq C$).

- Chứng minh $OM \perp AB$ tại H và $IA^2 = IB \cdot IC$.
- Chứng minh tứ giác AHCI nội tiếp và CA là tia phân giác góc ICD.
- AO cắt BD tại K. Chứng minh MD, AB, IK đồng qui tại một điểm.

--- Hết ---

SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG GD&ĐT QUẬN 3

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO TUYỂN SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: TOÁN

Đề thi gồm 8 câu hỏi tự luận

Thời gian: 120 phút. (không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ: Quận 3-3

Bài 1. (1,5 điểm)

- Vẽ đồ thị của hàm số (P): $y = -\frac{x^2}{4}$ và (D): $y = 2x + 3$ trên cùng hệ trục tọa độ.
- Tính tọa độ giao điểm đồ thị (P) và (D).

Bài 2. (1,0 điểm) Cho phương trình: $x^2 - 6x + 8 = 0$ có 2 nghiệm x_1, x_2 .

$$A = \frac{x_1^2}{x_2} - x_1 + \frac{x_2^2}{x_1} - x_2$$

Không giải phương trình, hãy tính giá trị của biểu thức

Bài 3. (0,75 điểm) Quy tắc Young là quy tắc được sử dụng để tính toán liều lượng thuốc dùng cho trẻ em dựa trên tuổi của trẻ và liều lượng của thuốc đó khi dùng cho người lớn. Với C là liều lượng cho trẻ, D là liều

$$C = D \times \frac{A}{A + 12}$$

lượng cho người lớn và A là tuổi của trẻ thì quy tắc Young là:

- Một loại thuốc được quy định liều lượng dùng cho người lớn là 700 (mg/lần). Nếu thuốc này dùng cho trẻ 4 tuổi thì theo quy tắc Young cần phải dùng bao nhiêu mg/lần?
- Một loại thuốc được quy định liều lượng dùng cho người lớn là 500 (mg/lần). Một bác sĩ dựa trên quy tắc Young cho bé Nam sử dụng loại thuốc này với liều lượng là 200 (mg/lần). Hỏi bé Nam bao nhiêu tuổi?

Bài 4. (0,75 điểm) Trong giờ Toán, giáo viên muốn chia học sinh của lớp 9C thành các nhóm học tập. Trong quá trình chia nhóm giáo viên nhận thấy: nếu mỗi nhóm có 5 học sinh thì thừa 2 học sinh, nếu mỗi nhóm có 7 học sinh thì thiếu 3 học sinh. Hỏi lớp 9C có bao nhiêu học sinh? (Biết rằng số học sinh trong lớp không vượt quá 40 học sinh).

Bài 5. (1,0 điểm) Còn một tuần nữa sẽ đến ngày 20/11, các bạn học sinh lớp 9A đăng kí thi đua hoa điểm 10 với mong muốn đạt thật nhiều điểm 10 để tặng thầy cô giáo. Đến ngày 19/11, lớp trưởng tổng kết số điểm 10 của các bạn trong lớp và được như sau:

- Không có bạn nào trong lớp không có điểm 10 trong tuần vừa qua.
- Có 20 bạn có ít nhất 2 điểm 10.
- Có 10 bạn có ít nhất 3 điểm 10.
- Có 5 bạn có ít nhất 4 điểm 10.
- Không có ai có nhiều hơn 4 điểm 10.

Hỏi lớp 9A có bao nhiêu điểm 10 tuần vừa qua? Biết rằng lớp 9A có 35 học sinh.

Bài 6. (1,0 điểm) Nước giải khát thường đựng trong lon nhôm và cỡ lon phổ biến trên thế giới thường chứa được khoảng 335(ml) chất lỏng, được thiết kế hình trụ với chiều cao 12(cm), đường kính đường tròn đáy 6,5(cm). Nhưng hiện nay các nhà sản xuất có xu hướng tạo ra những lon nhôm với kiểu dáng thon cao. Tuy chi phí sản xuất của những chiếc lon này tốn kém hơn, do nó có diện tích mặt ngoài lớn hơn, nhưng nó lại dễ đánh lừa thị giác và được người tiêu dùng ưa chuộng hơn.

a) Một lon nước ngọt hiện nay có dạng hình trụ cao 14(cm), đường kính đường tròn đáy là 6 (cm). Hỏi lon nước ngọt hiện nay có thể chứa được hết lượng nước ngọt của một lon có cỡ phổ biến không? Vì sao?

b) Hỏi chi phí sản xuất lon nước ngọt hiện nay ở câu a tăng bao nhiêu phần trăm so với chi phí sản xuất lon có cỡ phổ biến (biết chi phí sản xuất tỉ lệ thuận với diện tích toàn phần của lon)? Cho biết hình trụ có đường kính đường tròn đáy là d , chiều cao là h thì diện tích xung quanh hình trụ $S_{xq} = p.d.h$ và diện tích mỗi đáy là

$$S_{\text{đáy}} = p \frac{d^2}{4}$$

Bài 7. (1,0 điểm) Một rạp chiếu phim có bảng các suất chiếu và giá vé như sau:

	Suất chiếu	Từ 22 tuổi trở lên	Dưới 22 tuổi
Thứ Hai, Tư, Năm, Sáu	Trước 17 giờ 00 phút	70 000 (đồng)	45 000 (đồng)
	Sau 17 giờ 00 phút	80 000 (đồng)	
Thứ Ba, Bảy	Trước 17 giờ 00 phút	55 000 (đồng)	45 000 (đồng)
	Sau 17 giờ 00 phút		
Chủ nhật	Trước 17 giờ 00 phút	80 000 (đồng)	65 000 (đồng)
	Sau 17 giờ 00 phút	90 000 (đồng)	

a) Châu và em trai đã cùng nhau đi xem phim 3 lần ở rạp A.

- Lần 1: Vào thứ hai, Châu và em trai xem suất chiếu lúc 14 giờ 15 phút.

- Lần 2: Vào thứ ba, Châu và em trai xem suất chiếu lúc 17 giờ 30 phút.

- Lần 3: Vào chủ nhật, Châu và em trai xem suất chiếu lúc 17 giờ 30 phút.

Tính số tiền Châu và em trai đã chi để mua vé cho 3 lần xem phim trên. Biết tuổi của Châu và em trai lần lượt là 28 (tuổi) và 18 (tuổi).

b) Bình năm nay 20 (tuổi). Bình đã xem phim ở rạp A 5 lần và tổng số tiền vé Bình trả cho 5 lần là 265000 (đồng). Hỏi trong 5 lần đi xem phim trên có bao nhiêu lần Bình đi xem vào chủ nhật?

Bài 8. (3,0 điểm) Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$) có đường cao AD, nội tiếp đường tròn tâm O. Tia AD cắt đường tròn O tại M khác A. Vẽ ME vuông góc với AC tại E. Đường thẳng ED cắt đường thẳng AB tại I.

- Chứng minh tứ giác MDEC và tứ giác BDMI là các tứ giác nội tiếp.
- Chứng minh IM vuông góc với AB và $AB \cdot AI = AE \cdot AC$.
- Gọi N là điểm đối xứng của M qua AB, P là điểm đối xứng của M qua AC. NP cắt AD tại H. Gọi J, K lần lượt là tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác ABN và tam giác ACP. Chứng minh H là trực tâm của tam giác ABC và $DJ = DK$.

HẾT.

CÁC CÂU XÁC SUẤT THỐNG KÊ – ĐÁP ÁN TÂN PHÚ

Câu 1. Tại một nhà hàng chuyên phục vụ cơm trưa văn phòng, thực đơn có 5 món chính, 3 món phụ và 4 loại đồ uống. Tại đây thực khách có bao nhiêu cách chọn bữa trưa gồm món chính, món phụ và một loại đồ uống?

Lời giải

Cách chọn bữa trưa được chia làm 3 công đoạn:

Công đoạn thứ nhất: Chọn món chính có 5 cách chọn.

Công đoạn thứ hai: Ứng với mỗi món chính có 3 cách chọn món phụ.

Công đoạn thứ ba: Ứng với mỗi món chính, một món phụ vừa chọn, có thêm 4 cách chọn đồ uống.

Vậy để chọn bữa trưa gồm món chính, món phụ và một loại đồ uống có $5 \cdot 3 \cdot 4 = 60$ cách.

Câu 2. Một hộp có 20 quả bóng được đánh số thứ tự từ 1 tới 20. Người ta lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng từ hộp. Tính xác suất của biến cố A: “Lấy được quả bóng được đánh số chia hết cho 5”.

Lời giải

Xét phép thử: “Lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng từ hộp”.

Ta thấy các kết quả của phép thử là đồng khả năng xảy ra, nên tập hợp các kết quả xảy ra của phép thử đó là:

$$W = \{1; 2; 3; \dots; 19; 20\}$$

Số phần tử của tập W là 20.

Có 4 kết quả thuận lợi của biến cố A là: 5; 10; 15; 20.

$$\text{Vậy } P(A) = \frac{4}{20} = 0,2$$

Câu 3.

Một hộp chứa 5 quả bóng màu đỏ và một số quả bóng màu trắng. Các quả bóng có cùng kích thước và khối lượng. Lấy ra ngẫu nhiên 1 quả bóng từ hộp, xem màu và trả lại hộp. Biết xác suất của biến cố “Lấy được quả bóng màu đỏ là 0,2. Hỏi trong hộp có bao nhiêu quả bóng màu trắng?

Lời giải

Gọi n là số quả bóng màu trắng có trong hộp.

Số cách chọn ra ngẫu nhiên 1 quả bóng từ hộp là $n + 5$.

Do các quả bóng có cùng kích thước và khối lượng nên các quả bóng có cùng khả năng được chọn.

Số kết quả thuận lợi cho biến cố “lấy được quả bóng màu đỏ” là 5 nên xác suất của biến cố này là $\frac{5}{n + 5}$.

$$\frac{5}{n + 5} = 0,2$$

Ta có phương trình :

$$n + 5 = 25$$

$$n = 20$$

Vậy có 20 quả bóng trắng trong hộp.

Câu 4.

Bạn Cường vào cửa hàng Loteria và dự định chọn một suất gà rán. Khi đọc menu, bạn Cường thấy cửa hàng đang có các món như sau: combo gà rán (*ưu đãi*) có giá 97 000 đồng, combo gà viên (*ưu đãi*) có giá 84 000 đồng, gà rán – 1 miếng có giá 35 000 đồng, gà rán – 2 miếng có giá 68 000 đồng, gà rán – 3 miếng có giá 101 000 đồng, cánh gà rán hot wings – 3 miếng có giá 48 000 đồng. Bạn Cường cảm thấy món nào cũng ngon hết nên dự định nhắm mắt chỉ tay ngẫu nhiên vào một món.

a) Tìm số phần tử của tập hợp A gồm các kết quả có thể xảy ra đối với món gà được bạn Cường chọn.

b) Tính xác suất của mỗi biến cố sau :

- “Món gà được bạn Cường chọn có giá dưới 70 000 đồng”.

- “Bạn Cường chọn được các món không phải là combo ưu đãi và có giá trên 100 000 đồng”.

Câu 4.

a) Tập hợp gồm các kết quả có thể xảy ra đối với món gà được bạn Cường chọn là:

$G = \{\text{combo gà rán; combo gà viên; gà rán – 1 miếng; gà rán – 2 miếng; gà rán – 3 miếng; cánh gà rán hot wings – 3 miếng}\}.$

Vậy số phần tử của tập hợp G là 6 phần tử.

b) Có 3 kết quả thuận lợi cho biến cố “Món gà được bạn Cường chọn có giá dưới 70 000 đồng” là gà rán – 1 miếng, gà rán – 2 miếng, cánh gà hot wings – 3 miếng.

$$\frac{3}{6} = \frac{1}{2}$$

Vậy xác suất của biến cố “Món gà được bạn Cường chọn có giá dưới 70 000 đồng” là $\frac{1}{2}$.

Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố “Bạn Cường chọn được các món không phải là combo và có giá trên 100 000 đồng” là gà rán – 3 miếng.

Vậy xác suất của biến cố “Bạn Cường chọn được các món không phải là combo ưu đãi và có giá trên 100 000 đồng” là $\frac{1}{6}$.

Câu 5.

Có 30 đề thi trong đó có 10 đề khó, 20 đề trung bình. Tìm xác suất để:

- a) Một học sinh bắt một đề gặp được đề trung bình.
- b) Một học sinh bắt hai đề, được ít nhất một đề trung bình.

Giải

a) Số cách học sinh bắt được đề trung bình: 20 cách

Xác suất để hs bắt được đề trung bình là : $20 : 30 = \frac{2}{3}$

b) Số cách để học sinh bắt được 1 đề trung bình và một đề khó: $10 \times 20 = 200$ cách

Số cách để học sinh bắt được 2 đề trung bình: $20 \times 19 : 2 = 190$ cách

Số cách để học sinh bắt hai đề, được ít nhất một đề trung bình: $200 + 190 = 390$ cách

Xác suất để hs bắt hai đề, được ít nhất một đề trung bình: $390 : (30 \times 29 : 2) = 0,896$

Câu 6.

Một hộp đựng 5 viên bi xanh, 4 viên bi đỏ, 3 viên bi vàng. Ba học sinh A, B, C mỗi em bốc 1 viên bi theo thứ tự đó.

a/ Tính xác suất để em A bốc được viên bi màu xanh.

b/ Tính xác suất để ba em học sinh đó bốc được 3 viên bi màu xanh.

(Xác suất để bốc được viên bi màu xanh = số khả năng bốc được viên bi màu xanh chia cho tổng số khả năng xảy ra).

Câu 6.

a/ $\frac{5}{12}$

b/ $\frac{5}{12} \cdot \frac{4}{11} \cdot \frac{3}{10} = \frac{1}{22}$